TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn -Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn T ; nơi cư trú: Thôn TN, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Q ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TN, xã TD, huyện VB , thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 5, xã ĐT , huyện TY , tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện VB, Hải Phòng vào ngày 11-3-2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ

chồng nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ đầu năm 2017 đến nay chị Q đã bỏ về gia đình chị ở xã ĐT , huyện TY, tỉnh Yên Bái sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Q .

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Q có một con chung là Phạm Trần Hoàng A , sinh ngày 15-6-2014. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị Q .

Về tài sản: Anh và chị Trần Thị Q không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử chị Trần Thị Q xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh Phạm Văn T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được một năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T có quan hệ bất chính với phụ nữ khác. Do con còn nhỏ nên chị đã tha thứ cho anh, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh do anh đánh đập chị phải nhập viện điều trị. Từ đầu năm 2017 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có một con chung là Phạm Trần Hoàng A, sinh ngày 15-6-2014. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Về tài sản: Chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Q . Về con chung: Xử giao con chung Phạm Trần Hoàng A , sinh ngày 15-6-2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản: Anh T và chị Q xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Q kết hôn ngày 11-3-2014, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã TD , huyện VB, thành phố Hải Phòng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ năm 2017 anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh T nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Q xác nhận tình nghĩa vợ chồng không còn, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với anh T . Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Phạm Văn T xin ly hôn với chị Trần Thị Q phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Q có một con chung là Phạm Trần Hoàng A , sinh ngày 15-6-2014. Khi ly hôn, anh T và chị Q cùng đề nghị

được nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh T và chị Q thì thấy anh chị có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Phạm Trần Hoàng A , sinh ngày 15-6-2014 còn nhỏ, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị Q giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Q yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh T đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con này. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Phạm Văn T hiện nay đang làm việc tại Công ty Cổ phần Than N, tại phường B, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Theo Công ty cung cấp thì anh T là công nhân khai thác hầm lò, thu nhập trên 08 triệu đồng/tháng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận thỏa thuận của chị Trần Thị Q và anh Phạm Văn T , hàng tháng anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Khoản cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 7 năm 2018 là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Q xác nhận không có tài sản, không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Q .

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Trần Hoàng A , sinh ngày 15-6-2014 cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời hạn nuôi con, thời

hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản: Anh Phạm Văn T và chị Trần Thị Q xác nhận không có tài sản, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001010 ngày 11-5-2018. Anh Phạm Văn T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã TD huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền